

Bản án số: 84/2026/HNGĐ-ST

Ngày 15-7-2026

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Khánh Vân;

2. Bà Ngô Thị Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2026/TLST-HNGĐ ngày 06-5-2026 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-6-2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02-7-2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Hà Thị M**, sinh năm 1996.

CCCD số: 015196005376, cấp ngày 25-6-2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Địa chỉ: **Thôn Q, xã L, tỉnh Lào Cai** (Vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1990.

CCCD số: 015090004642, cấp ngày..., nơi cấp...

Địa chỉ: **Thôn Y, xã L, tỉnh Lào Cai** (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-5-2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Hà Thị M** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Trần Văn H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái (nay là xã L, tỉnh Lào Cai)** vào ngày 04-9-2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại **thôn Y, xã L, tỉnh Lào Cai**, cuộc sống tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian. Chị **Hà Thị M** xác định đến

năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, sức khỏe tinh thần của chị yếu không thể làm việc được nên vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không cải thiện được. Anh chị cũng đã ly thân từ năm 2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai giải quyết cho chị được ly hôn anh **Trần Văn H.**

Về con chung: Chị và anh **Trần Văn H** không có con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị **Hà Thị M** xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và giao nhận, tổng đạt các văn bản hợp lệ cho anh **Trần Văn H** nhưng anh **H** vẫn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh **H**.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hà Thị M** được ly hôn anh **Trần Văn H**.
- Về án phí: Chị **Hà Thị M** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền các kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị **Hà Thị M** có đơn xin ly hôn với anh **Trần Văn H**, nơi cư trú: **Thôn Y, xã L, tỉnh Lào Cai**. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị **Hà Thị M** có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh **Trần Văn H** được triệu tập hợp lệ lần thứ hai

nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Hà Thị M** và anh **Trần Văn H** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái (nay là xã L, tỉnh Lào Cai) vào ngày 04-9-2019 (Giấy đăng ký kết hôn số 17/2019). Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Theo chị **Hà Thị M** thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không cải thiện được. Chị xác định anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị **Hà Thị M** và anh **Trần Văn H** đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Trần Văn H** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Như vậy, xét thấy hôn nhân giữa chị **Hà Thị M** và anh **Trần Văn H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị **Hà Thị M** được ly hôn anh **Trần Văn H** theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Chị **Hà Thị M** và anh **Trần Văn H** không có con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về chia tài sản và nợ chung:* Chị **Hà Thị M** xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết về chia tài sản và nợ chung.

[3] *Về án phí:* Chị **Hà Thị M** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về quan điểm của Kiểm sát viên đã phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều

273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hà Thị M** được ly hôn anh **Trần Văn H**.

2. Về án phí: Chị **Hà Thị M** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng tại Biên lai ký hiệu: BLTU/26E số 0001752 ngày 06-5-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai (xác nhận chị **Hà Thị M** đã nộp đủ).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 34, Điều 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 3 - Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lào Cai;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh